

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS- ST

Ngày: 24/6/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân:

- Ông Phạm Thanh Huân

- Ông Nguyễn Thanh Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST- DS, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng N.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị L

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn B

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*

Bà và vợ chồng bà Dương Thị L, ông Nguyễn B là quan hệ họ hàng với nhau nên vào năm 2016, bà Dương Thị L đến nhà gặp bà và nói “*Vợ chồng cháu cần ít tiền để làm ăn, cô cho cháu mượn đỡ vài tháng sẽ trả*” nên bà có cho bà L mượn số tiền 85.000.000 đồng, không viết giấy tờ nhưng đến ngày 14/11/2018 thì bà L viết giấy nợ bà số tiền 85.000.000 đồng.

Năm 2019 bà L, ông B tiếp tục mượn tiền và lấy hàng với số tiền 125.000.000 đồng cụ thể như sau: Vào ngày 09/5/2019 âm lịch mượn 45.000.000 đồng; ngày 30/5/2019 âm lịch mượn 13.000.000 đồng; ngày 18/6/2019 âm lịch mượn 19.000.000 đồng; ngày 22/7/2019 âm lịch mượn 12.000.000 đồng; ngày 21/8/2019 mượn 20.000.000 đồng. Trong số tiền 125.000.000 đồng mà bà L, ông B đã mượn của bà thì bà L đã trả cho bà 25.000.000 đồng. Hiện nay bà L còn nợ của bà 185.000.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không trả nợ cho bà.

Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án buộc một mình bà L trả nợ cho bà số tiền 85.000.000 đồng nợ gốc theo giấy nợ ngày 14/11/2018, không yêu cầu trả lãi; bà không yêu cầu ông B trả nợ vì khi vay tiền không có mặt của ông B.

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập bị đơn là bà Dương Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn B đến Tòa án để làm việc liên quan đến việc khởi kiện của bà Học cũng như kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không đến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 85.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà H về việc rút yêu cầu bà L, ông B trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*);

- Nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định, bà H chấp hành đúng quyền

và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Dương Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn rút một phần yêu cầu số tiền 125.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2019 nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông B trả 185.000.000 đồng. (*Một trăm tám mươi lăm triệu đồng*); Nhưng tại đơn xin rút một phần khởi kiện ngày 23/6/2020 và tại phiên tòa bà H rút yêu cầu buộc bà L, ông B trả số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) vào các ngày 09/5/2019 âm lịch mượn 45.000.000 đồng; ngày 30/5/2019 âm lịch mượn 13.000.000 đồng; ngày 18/6/2019 âm lịch mượn 19.000.000 đồng; ngày 22/7/2019 âm lịch mượn 12.000.000 đồng; ngày 21/8/2019 mượn 20.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của bà H về việc rút yêu cầu bà L trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); nếu sau này bà H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.2] Về giấy mượn tiền

Theo giấy mượn tiền ngày 14/11/2018 tại bút lục 16 thì bà Dương Thị L có xác nhận có nợ tiền của bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên trong giấy mượn tiền không có thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Theo quy định tại các Điều 463; 466 và 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 85.000.000 đồng đã mượn vào ngày 14/11/2018

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có trách nhiệm trả số tiền 185.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa và tại biên bản làm việc ngày 23/6/2020 nguyên đơn chỉ yêu cầu bà L trả nợ, không yêu cầu ông Bưởi cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy mượn tiền ngày 18/11/2018, khi vay tiền chỉ có bà Lệ ký tên vào giấy mượn tiền, không có mặt của ông Bưởi. Trong giấy mượn tiền có thể hiện nội dung bà Dương Thị L có vay của Nguyễn Thị H với tổng số tiền 85.000.000 đồng. Bà H cũng đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L vẫn chưa trả. Hiện nay bà L không có mặt tại địa phương, khi bà L đi khỏi địa phương nhưng không thông

báo địa chỉ nơi cư trú mới cho bà H biết. Việc làm này nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu bà L trả số tiền 85.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4] Về lãi suất: Bà H không yêu cầu bà L trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 85.000.000 đồng x 5% = 4.250.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả án phí cho bà Nguyễn Thị H.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 26, 147, 228, 235, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H Buộc bà Dương Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 85.000.000^d (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Dương Thị L trả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); nếu sau này bà Học khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí

Bà Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.625.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0002483, ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương